XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CUNG ỨNG NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO VÙNG ĐẶC THÙ KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM

THE TREND OF EDUCATION AND TRAINING DEVELOPMENT TO SUPPLY HIGH-QUALITY HUMAN RESOURCES IN THE SOUTHERN KEY ECONOMIC REGIONS

NGÔ HỒNG ĐIỆP(*), ĐỒNG VĂN TOÀN(**)
(*), (**)Trường Đại học Thủ Dầu Một, (**)*dongvantoan@gmail.com*

THÔNG TIN

Ngày nhận: 30/10/2016
Ngày nhận lại: 25/5/2018
Duyệt đăng: 16/7/2018
Mã số: TCKH18-B02-2018
ISSN: 2354 – 0788

Từ khóa:
Giáo dục và đào tạo; nguồn nhân lực chất lượng cao; vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; liên kết và hội nhập quốc tế.

Key words:
education and training; high quality human resources; Southern key economic zone; International cooperation and cooperation...

TÓM TẮT

Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Chính vì vậy, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học đa dạng hóa các chuyên ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề, tập trung giải quyết bài toán cung ứng nguồn nhân lực là vấn đề then chốt có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu xu hướng giáo dục và đào tạo cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao đặc thù cho vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tính cấp thiết, cần được đánh giá, nghiên cứu định hướng phát triển trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

ABSTRACTS

Education and training is the top national policy. Investment in education is a development investment. Therefore, focus on training high quality human resources, fostering talents, developing quality and self-learning capacity, self-enriching knowledge and creativity of learners diversification of specialized training In line with the needs of technology development and the fields and industries, focusing on the problem of supplying human resources is a key issue of theoretical and practical significance. In that context, research on the trends in education and training of high quality human resources for the southern key economic region is urgently needed to be evaluated and researched, industrialization and modernization and international integration.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình đổi mới, cần kế thừa phát huy những thành tựu, phát triển nhân tố mới, tiếp thu những kinh nghiệm có chọn lọc của thế giới; kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc. Đổi mới phải đảm bảo tính hệ thống, tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng, đáp ứng được yêu cầu nguồn nhân lực đặc thù của địa phương... các giải pháp phải đồng bộ, khả thi có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình phù hợp.

Xu hướng phát triển giáo dục và đào tạo tiếp tục giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế để tiếp cận các giá trị, khoa học hiện đại nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, thực hiện tốt nguyên lý giáo dục: Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2014).

Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn liền với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ, phù hợp với quy luật khách quan. Chuyển phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả. Đổi mới giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, giáo dục và đào tạo phải phục vụ cho nhu cầu phát triển của xã hội của vùng kinh tế đặc thù.

Trong những năm qua, tỉnh Bình Dương nói riêng và các tỉnh, thành phố vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói chung đã đạt được những thành tựu to lớn, là một trong những tỉnh dẫn đầu trong cả nước về thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tổng thu nhập (GDP) luôn tăng, Chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã đem lại kết quả tốt.

Trường Đại học Thủ Dầu Một là một trong những đơn vị đi đầu góp phần thu hút và đào tạo, phát triển đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh Bình Dương, là đơn vị thường xuyên, chủ động nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, tăng cường hợp tác nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, thay đổi chương trình đào tạo theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế.

Như vậy, nghiên cứu xu hướng giáo dục và đào tạo cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao đặc thù cho vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phải dựa trên quan điểm, đường lối đổi mới giáo dục của Đảng và Nhà nước trên tinh thần vận dụng linh hoạt, phù hợp có hiệu quả với yêu cầu nguồn nhân lực của địa phương, của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và hướng tới hội nhập quốc tế.

2. PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRONG XU THẾ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Để phát triển giáo dục và đào tạo trong xu hướng hội nhập quốc tế, trước hết phải tăng cường cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục nhằm cải cách về thể chế, cải cách thủ tục hành chính, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên. Chuẩn bị kiến thức, kỹ năng và thái độ cũng như tâm lý để sẵn sàng di chuyển sang làm việc tại các nước ASEAN của lao động Việt Nam, đồng thời tăng cường kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ.

Tăng cường hợp tác một số trung tâm công nghệ cao trong vùng và liên kết vùng hợp tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học có trình độ cao.

Hợp tác quốc tế giúp cho các cơ sở giáo dục và đào tạo tiếp cận được các mô hình, chương trình đào tạo tiên tiến của khu vực và thế giới, mở ra cơ hội huy động các nguồn lực từ bên ngoài cho sự phát triển của nhà trường. Do đó, cần tăng cường nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế cũng là một giải pháp quan trọng góp phần nâng cao năng lực và vị thế của các trường đại học. Xây dựng và thúc đẩy các chương trình liên kết đào tạo quốc tế; tham gia

tích cực vào mạng lưới các trường, các viện nghiên cứu để hòa nhịp với quá trình toàn cầu hóa giáo dục.

Quốc tế hóa giáo dục là một thành phần cố hữu liên quan đến chất lượng giáo dục, việc liên kết giữa các đối tác dựa trên sự chia sẻ, đoàn kết và bình đẳng. Nạn chảy máu chất xám cần phải được ngăn chặn, cần ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng các chương trình đào tạo ở những nước đang phát triển, các trung tâm chất lượng cao để tạo nên các mạng lưới quốc gia và khu vực, tăng cường cử cán bộ, nguồn nhân lực trẻ đi học tập, tu nghiệp nước ngoài sau đó quay về phục vụ cho đất nước.

Hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học cần dựa trên tinh thần đoàn kết, hiểu biết lẫn nhau, các giá trị nhân văn và đối thoại đa văn hóa luôn được khuyến khích mặc dù có sự suy giảm về kinh tế. Các trường đại học trên thế giới có trách nhiệm xã hội làm giảm khoảng cách phát triển, gia tăng chuyển giao tri thức xuyên biên giới, đặc biệt chú ý đến các nước đang phát triển, tăng cường lưu chuyển chất xám và giảm nhẹ nạn thất thoát chất xám ở các nước nghèo.

Mạng lưới hợp tác trường đại học và các đối tác quốc tế là một thành phần không thể thiếu, giúp tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau vì một nền văn hóa hòa bình và phát triển. Toàn cầu hóa làm tăng nhu cầu đảm bảo chất lượng, phải thiết lập các hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm định công nhận quốc gia và thúc đẩy việc liên kết quốc tế.

Giáo dục đại học xuyên biên giới có thể tạo nên những đóng góp quan trọng đối với các nền giáo dục đại học, cung cấp giáo dục đại học có chất lượng, tăng giá trị học thuật, giữ gìn sự phù hợp và tôn trọng các nguyên tắc cơ bản đối thoại và hợp tác, công nhận lẫn nhau, tôn trọng quyền con người, sự đa dạng và chủ quyền quốc gia (Nguyễn Hải Thập, 2017).

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NHẰM CUNG ỨNG NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CHO VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM

3.1. Xác định mục tiêu, yêu cầu của xã hội về giáo dục và đào tạo phát triển con người trong xã hội mới. Xây dựng nội dung, chương trình, chuẩn đầu ra theo hướng liên thông, liên ngành, hiện đại phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế

Đổi mới chương trình theo hướng đa dạng hóa, hiện đại hóa, chuẩn hóa; tiếp thu có chọn lọc các chương trình đào tạo của các nước phát triển về khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ; chương trình tiếp cận và đạt chuẩn đầu ra của các nước trong khu vực và thế giới. Bên cạnh đó phải xác định lại mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục... tiếp cận và học hỏi các mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại của các nước trên thế giới như: Đức, Pháp, Anh, Hoa Kì... trên cơ sở đó thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực lành nghề (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017).

Thiết kế chương trình chuyển tiếp, liên thông, liên ngành, áp dụng các quy trình đào tạo tín chỉ, mềm dẻo nhằm tăng cơ hội và chủ động học tập cho mọi người, học liên tục, học suốt đời.

Tăng cường bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp, có phẩm chất và năng lực tốt, có sức ảnh hưởng và tác động tốt đến nhân cách của người học. Thực hiện tốt quy trình kiểm tra, đánh giá chuẩn đầu ra, gắn giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, chú trọng rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên nói riêng và người học nói chung.

Đảm bảo về cơ sở vật chất, thư viện, trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm... tăng cường chất lượng dạy học trực tuyến.

3.2. Tiếp tục cải cách, đổi mới quản lý giáo dục theo hướng chuyên sâu, đa lĩnh vực phù hợp cân đối đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý cả về số lượng và chất lượng

Bổ sung và nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên, tăng tỉ lệ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ trong giảng dạy. Tăng cường quy hoạch, dự báo, kế hoạch cho từng giai đoạn phát triển cụ thể của nhà trường, địa phương.

Hỗ trợ, tạo điều kiện cho giảng viên, cán bộ quản lý tiếp cận với thành tự khoa học trong nước và quốc tế. Khuyến khích giảng viên, cán bộ quản lý đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài, quan tâm đến vật chất và tinh thần đối với giảng viên.

Tăng cường tự chủ và trách nhiệm xã hội của các trường đại học; cải cách hành chính trong giáo dục và đổi mới quản lý giáo dục nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường. Xây dựng hệ thống đảm bảo, kiểm định công nhận chất lượng...

Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt học tốt, quản lý tốt, có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030 nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Mục tiêu đến năm 2020, nền giáo dục Việt Nam được đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; chất lượng lượng giáo dục được nâng cao một cách toàn diện, gồm: giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, trải nghiệm, năng lực ngoại ngữ và tin học; đáp ứng nhu cầu nhân lực, nhất là năng lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng nền kinh tế tri thức; đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân, từng bước hình thành xã hội học tập (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017).

3.3. Nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng ứng dụng, chuyển giao và hợp tác quốc tế

Thành lập các nhóm nghiên cứu chuyên sâu (chuyên gia), đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ, quy định cụ thể nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên gắn nghiên cứu với đào tạo và phục vụ cộng đồng. Phát huy khả năng nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách, chi tiêu nội bộ phù hợp với thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ.

Đặc biệt, gắn việc nghiên cứu khoa học với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, ưu tiên nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực ứng dụng, phù hợp với điều kiện phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Thực hiện cơ chế liên kết, hợp tác nghiên cứu khoa học và hướng tới đấu thầu đề tài nghiên cứu, tăng cường khả năng phản biện của các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học.

Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ đã trở thành một yếu tố quan trọng không thể thiếu trong phát triển kinh tế xã hội của nước ta trong giai đoạn hiện nay. Những năm gần đây, khoa học và công nghệ nước ta đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, Việt Nam đã tranh thủ được sự ủng hộ, hợp tác của bạn bè và các đối tác trên thế giới. Đến nay, nước ta đã có quan hệ hợp tác về khoa học và công nghệ với hơn 70 nước, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế. Không những quy mô hợp tác được mở rộng mà hình thức và nội dung hợp tác cũng đã trở nên đa dạng hơn, thiết thực hơn với nhu cầu phát triển khoa học và công nghệ và kinh tế xã hội của đất nước.

3.4. Nghiên cứu triển khai thực hiện mô hình giáo dục và đào tạo "khép kín" theo đơn đặt hàng của đơn vị sử dụng nguồn nhân lực

Từ thực tiễn giáo dục hiện nay cho thấy, đánh giá chất lượng giáo dục và đào tạo của nhà trường cũng đồng nghĩa với việc sinh viên ra trường có được việc làm ổn định, đáp ứng được yêu cầu công việc của doanh nghiệp, của xã hội. Chính vì vậy, cần hướng tới việc xây dựng chương trình đào tạo, hợp tác, liên kết với doanh nghiệp, với chính quyền địa phương nhằm cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao ngay sau khi ra trường.

Trong đó, giáo dục nhà trường giữ vai trò chủ đạo, doanh nghiệp giữ vai trò chủ động, sinh viên giữ vai trò tích cực. Nhà trường đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp, doanh nghiệp cùng tham gia quản lý và hỗ trợ người học, người học với vai trò là một người đã đi làm và vai trò của một người học.

Nếu thực hiện được theo mô hình "ba liên", "ba kết", "ba đạt" thì sẽ đem lại hiệu quả cao cho cả nhà trường - doanh nghiệp - người học. Người học không chỉ học được kiến thức ở nhà trường mà còn vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn của doanh nghiệp, nắm được nội quy, quy định của doanh nghiệp, rèn luyện được tác phong công nghiệp, về phía doanh nghiệp sẽ chủ động hơn trong việc tuyển dụng, nguồn nhân lực của đơn vị mình, không mất thời gian cho việc tập sự, đào tạo lại như hiện nay. Mối liên kết này sẽ giúp người học đạt được tri thức - kỹ năng - thái độ theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Mô hình này cần được nghiên cứu và áp dụng cho giáo dục và đào tạo hiện nay, nhất là đối với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Điều đó sẽ đem lại sự "cộng hưởng trách nhiệm - chia sẻ thành quả - thỏa mãn nhu cầu" giữa các nhân tố tham gia.

4. KẾT LUẬN

Trong lịch sử chưa bao giờ việc đầu tư cho giáo dục đại học như một nguồn lực chính để xây dựng một xã hội tri thức toàn diện và đa dạng, nâng cao nghiên cứu, đổi mới sáng tạo lại có ý nghĩa quan trọng như hiện nay.

Một lần nữa chúng ta khẳng định rằng, muốn thực hiện nhanh, hiệu quả công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế thì giáo dục - đào tạo là nhân tố quyết định, nhân tố con người là trung tâm, quyết định đến mọi mặt trong phát triển nền kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, điều chỉnh chương trình đào tạo, tăng cường hợp tác, gắn kết đào tạo với doanh nghiệp, đáp yêu cầu của xã hội hướng tới hợp nhập quốc tế sâu rộng là mục tiêu mà các trường đại học hướng tới, trong đó có trường đại học Thủ Dầu Một, điều này đã được chứng minh bằng kết quả hành động của đội ngũ quản lý, cán bộ giảng viên, công nhân viên và các em sinh viên, học viên trong toàn trường. Với sự quyết tâm và phấn đấu không ngừng, Nhà trường đã được nhận được quyết định chứng nhận kiểm định chất lượng quốc gia của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính hạng II,* Nxb. Giáo dục Việt Nam.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Nghị quyết số 29/NQ-TW về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.*
3. Trần Khánh Đức (2009), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực,* Nxb. Giáo dục Việt Nam.
4. Nguyễn Hải Thập (Chủ biên, 2017), *Tài liệu Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính hạng II,* Nxb. Giáo dục Việt Nam.
5. Phạm Đỗ Nhật Tiến (2014), *Việt Nam trước yêu cầu hội nhập Quốc tế về giáo dục - Một chiến lược hai kịch bản.* Tạp chí Tia sáng.
6. Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2011), *Quyết định số 579/QĐ-TTg, Chiến lược phát triển nguồn nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020.*
7. Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh (2017), *Tạp chí Khoa học Quản lý giáo dục*, số đặc biệt 10/2017.